

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ THƯƠNG MẠI MINH ANH LUXURY**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ THƯƠNG MẠI MINH ANH LUXURY

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MINH ANH LUXURY SERVICE AND TRADING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108991564

**3. Ngày thành lập:** 18/11/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

D1, Ô 17 khu D, khu đô thị Geleximco Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Mã ngành    |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ                                                                                                                                                                                                                                                              | 1610        |
| 2.  | Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác                                                                                                                                                                                                                                           | 1621        |
| 3.  | Sản xuất đồ gỗ xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                     | 1622        |
| 4.  | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế                                                                                                                                                                                                                                                               | 3100        |
| 5.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến;<br>- Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi;<br>- Bán buôn xi măng;<br>- Bán buôn kính xây dựng;<br>- Bán buôn sơn, vécni;<br>- Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh | 4663        |
| 6.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự                                                                                                                                                                                   | 4649        |
| 7.  | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                     | 4759(Chính) |
| 8.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                                                                                         | 8299        |
| 9.  | Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự                                                                                                                                                                                                                                       | 9524        |
| 10. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4321        |
| 11. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                              | 4330        |
| 12. | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4291        |
| 13. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                                                                                                                                                                                             | 4292        |
| 14. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                                                                                                                                                                       | 4293        |
| 15. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                  | 4299        |
| 16. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                                                                                                                              | 7410        |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông         | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                               | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|---------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN THÀNH PHƯƠNG | Xóm 5, Thôn Phụng Công, Xã Quỳnh Hội, Huyện Quỳnh Phụ, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam                                    | Cổ phần phổ thông         | 71.000     | 710.000.000           | 71,000    | 034088007506                                                                                |         |
|     |                     |                                                                                                                    | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                     |                                                                                                                    | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                     |                                                                                                                    | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                     |                                                                                                                    | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                     |                                                                                                                    | Tổng số                   | 71.000     | 710.000.000           | 71,000    |                                                                                             |         |
|     |                     |                                                                                                                    |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | ĐINH THỊ LAN HƯƠNG  | Số nhà 11, ngõ 99, đường Đông Phương Hồng, Phố 7, Phường Đông Thành, Thành phố Ninh Bình, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 24.000     | 240.000.000           | 24,000    | 037191001931                                                                                |         |
|     |                     |                                                                                                                    | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                     |                                                                                                                    | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                     |                                                                                                                    | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                     |                                                                                                                    | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                     |                                                                                                                    | Tổng số                   | 24.000     | 240.000.000           | 24,000    |                                                                                             |         |
|     |                     |                                                                                                                    |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |

|   |                      |                                                                                                |                                    |       |            |       |           |
|---|----------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|-------|------------|-------|-----------|
| 3 | NGUYỄN<br>THÀNH LONG | Xóm 5, Thôn<br>Phụng Công, Xã<br>Quỳnh Hội,<br>Huyện Quỳnh<br>Phụ, Tỉnh Thái<br>Bình, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 5.000 | 50.000.000 | 5,000 | 151995542 |
|   |                      |                                                                                                | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0     | 0          | 0,000 |           |
|   |                      |                                                                                                | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0     | 0          | 0,000 |           |
|   |                      |                                                                                                | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0     | 0          | 0,000 |           |
|   |                      |                                                                                                | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0     | 0          | 0,000 |           |
|   |                      |                                                                                                | Tổng số                            | 5.000 | 50.000.000 | 5,000 |           |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ; giá trị<br>tương đương<br>bằng tiền nước<br>ngoài, nếu có) | Tỷ lệ<br>(%) | Số hộ chiếu<br>đối với cá<br>nhân; Mã<br>số doanh<br>nghiệp đối<br>với doanh<br>nghiệp; Số<br>Quyết định<br>thành lập<br>đối với tổ<br>chức | Ghi<br>chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN THÀNH PHƯƠNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 26/07/1988

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 034088007506

Ngày cấp: 04/04/2018

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm 5, Thôn Phụng Công, Xã Quỳnh Hội, Huyện Quỳnh Phụ, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Căn hộ 1910 tòa nhà HH01B Khu đô thị mới Dương Nội, Phường La Khê, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội